

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/KDTM-ST.

Ngày 23/11/2022.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Ngân.

Bà Vũ Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Linh – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Ngọc Thạch – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST-KDTM, ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 27 tháng 9 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2022/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, đường L, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc T-Chức danh: Giám đốc, Ngân hàng N, chi nhánh Lào Cai. (*Theo quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N*).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Vân T – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng N, chi nhánh Lào Cai (*Theo giấy ủy quyền số 772/NHNo.LC-TH ngày 30/6/2022*).

Địa chỉ: Số 03, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh L, (*Có mặt*).

Bị đơn: Công ty Cổ phần L.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M – Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ: Lô 02, biệt thự 10, tổ 08, phường B, thành phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Thạch Quang T - Luật sư, Công ty Luật TNHH L, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn Q - Luật sư, Công ty Luật TNHH L, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, (*Có mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M – Sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Nơi đăng ký hộ khẩu: Lô 02, biệt thự 10, tổ 8 phường B, thành phố L, tỉnh L. Nơi ở: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố H.

2. Ông Vũ Xuân T – Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Nơi đăng ký hộ khẩu: Lô 02, biệt thự 10, tổ 8 phường B, thành phố L, tỉnh L. Nơi ở: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Xuân T là ông Thạch Quang T - Luật sư, Công ty Luật TNHH L, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, (Có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Xuân T là ông Lê Văn Q - Luật sư, Công ty Luật TNHH L, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 20 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Vân T trình bày: Ngày 15/04/2015, Công ty Cổ phần L đề nghị Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Lào Cai cấp hạn mức tín dụng số tiền là: 549.750.000.000VNĐ, kèm theo kế hoạch vay vốn ngày 15/04/2015, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-LAA/2015 ngày 25/03/2015 về thông qua phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2015-2016, phương án vay vốn và thế chấp tài sản để vay vốn của Công ty Cổ phần L. Do mức vay của khách hàng vượt thẩm quyền của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Lào Cai, phải thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L trình Ngân hàng N phê duyệt. Ngày 18/8/2015, sau khi nhận được thông báo phê duyệt hạn mức tín dụng số 5498/NHNo-KHDN ngày 05/8/2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N, Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L đã giao kết với Công ty Cổ phần L, hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 với hạn mức tín dụng điều chỉnh theo thông báo phê duyệt là: 200.000.000.000VNĐ. Nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015 và các phụ lục kèm theo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh L và Công ty Cổ phần L đã thỏa thuận:

+ Mức lãi suất cho vay được áp dụng cho từng lần nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 110% lãi suất nợ trong hạn;

+ Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 18/8/2015 và được gia hạn đến ngày 05/11/2016.

+ Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, nhập khẩu ô tô, máy công trình, máy cày, xe nâng, máy xúc, máy lu, máy gặt; kinh doanh dịch vụ vận tải, hàng hoá, phụ tùng ô tô; kinh doanh thương mại quặng, gỗ;

+ Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ ;

+ Thời hạn trả lãi: 03 tháng/kỳ

+ Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay có tài sản bảo đảm 100%.

+ Dư nợ hợp đồng hạn mức số 8800-LAV-201500375 ngày 20/7/2015 được tiếp tục chuyển sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015 số tiền là: 92.448.018.903VNĐ.

Số tiền giải ngân cho Công ty Cổ phần L được nhận làm nhiều lần, mỗi lần nhận được lập thành 01 giấy nhận nợ. Tổng số lần nhận nợ tại Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L theo hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015 là 109 lần, tổng số tiền đã nhận vay theo hạn mức là: 217.777.187.716VNĐ. Số tiền gốc đã trả nợ là: 245.374.489.639VNĐ. Số tiền lãi đã trả: 13.647.478.601VNĐ. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 28/12/2020. Dư nợ gốc đến ngày xét xử 23/11/2022 là: 64,850,716,980VNĐ. Số tiền lãi suất đến ngày 23/11/2022 tổng cộng là: 38.026.124.249VNĐ (Lãi suất trong hạn là: 34.486.8423.701VNĐ; lãi suất quá hạn: 3.539.280.548VNĐ).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015, Công ty Cổ phần L đã thế chấp các tài sản của Công ty Cổ phần L và của bên thứ ba gồm:

+ Tài sản 1: Hợp đồng thế chấp tài sản hàng hóa là phương tiện hình thành trong tương lai số: 03LAA/HĐTCTL ngày 01/12/2015; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03LAA.1/PLHĐTC ngày 23/06/2016; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03LAA.2/PLHĐTC ngày 10/01/2017. Tài sản thế chấp là 44 xe ô tô nhập khẩu. Giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định cho vay là: 26.144.709.000VNĐ, đảm bảo cho dư nợ là: 18.301.296.300VNĐ.

+ Tài sản 2: Hợp đồng thế chấp hàng hóa là phương tiện hình thành trong tương lai số: 201700754/HĐTC ngày 28/06/2017. Tài sản thế chấp là 52 xe ô tô nhập khẩu. Giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định cho vay là: 16.614.884.190VNĐ, đảm bảo cho dư nợ 11.630.418.933VNĐ.

Thực trạng tài sản đảm bảo tại 2 hợp đồng thế chấp tài sản 1 và tài sản 2, là 96 xe ô tô nhập khẩu về Việt Nam, do vi phạm quy định về nhập khẩu xe ô tô, nên đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Do đó số tài sản là 96 xe ô tô nhập khẩu là hàng hóa hình thành từ vốn vay không còn tồn tại để thu hồi vốn vay.

+ Tài sản 3: Hợp đồng thế chấp cổ phần số: 012107/LAA/ HĐCTCP ngày 23/07/2015. Tài sản thế chấp là 85.000 cổ phần của Công ty Cổ phần L. Giá trị tài sản được thẩm định khi cho vay, tương ứng với 85.500.000.000VNĐ, theo biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp là cổ phần vốn góp số 012107/LAA/BBĐG ngày 23/7/2015 của Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L.

Ngoài ra ngày 01/12/2015 bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Xuân T có ký 01 bản cam kết sẽ thế chấp tài sản là quyền sử dụng 02 lô đất ở biệt thự số 02-BT10 và 03-BT-10, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 08, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần L tại Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty Cổ phần L kinh doanh thua lỗ, không có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh để trả nợ ngân hàng (Hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu do vi phạm hành chính). Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L đã yêu cầu Công ty Cổ phần L trả nợ rất nhiều lần, đồng thời yêu cầu bên thứ ba có tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty Cổ phần L thực hiện thay nghĩa vụ

trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L. Nhưng Công ty Cổ phần L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ dư nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N. Do đó, Ngân hàng N khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần L phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tính đến hết ngày xét xử 23/11/2022, khoản tiền nợ gốc là: 64,850,716,980VNĐ; khoản tiền lãi suất trong hạn là: 34.486.8423.701VNĐ; khoản tiền lãi suất quá hạn là: 3.539.280.548VNĐ. Tổng cộng là: 102.876.841.229VNĐ (*Một trăm linh hai tỷ, tám trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng*).

Buộc Công ty Cổ phần L phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015 cùng các phụ lục kèm theo, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến ngày thực tế Công ty Cổ phần L hoàn trả hết khoản tiền nợ gốc cho Ngân hàng N.

Trường hợp Công ty Cổ phần L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Vũ Xuân T, bà Nguyễn Thị M theo Hợp đồng thế chấp cổ phần số 012107/LAA/ HĐCTCP ngày 23/07/2015 và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty Cổ phần L để thu hồi các khoản tiền phải hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng N không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 96 xe ô tô nhập khẩu vì đã bị xử lý hành chính tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Ngân hàng N yêu cầu ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M thực hiện theo đúng cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015, khi tài sản cam kết thế chấp có đủ điều kiện về mặt pháp lý (*Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*), để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo pháp luật, cũng như tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần L là ông Thạch Quang T và ông Lê Văn Q đều trình bày: Bị đơn thừa nhận ngày 18/8/2015 Công ty Cổ phần L có giao kết hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L. Trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục kèm theo có thỏa thuận về mức lãi suất cho vay; thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng; mục đích vay vốn; thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ; thời hạn trả gốc và lãi suất và hình thức bảo đảm khoản tiền vay là cho vay có tài sản bảo đảm 100%. Số tiền vay Công ty Cổ phần L đã được giải ngân làm nhiều lần, mỗi lần nhận được lập thành 1 giấy nhận nợ. Tổng số lần nhận nợ, số tiền đã trả nợ. Dư nợ gốc và các khoản tiền lãi suất như đại diện của Ngân hàng N trình bày và yêu cầu đến ngày xét xử 23/11/2022 là đúng.

Công ty Cổ phần L thừa nhận đã thế chấp các tài sản của công ty để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay, gồm:

+ Tài sản 1: Hợp đồng thế chấp tài sản hàng hóa là phương tiện hình thành trong tương lai số: 03LAA/HĐTCTL ngày 01/12/2015; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03LAA.1/PLHĐTC ngày 23/06/2016; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03LAA.2/PLHĐTC ngày 10/01/2017. Tài sản thế chấp là 44 xe ô tô nhập khẩu. Giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định cho vay là: 26.144.709.000VNĐ, đảm bảo cho dư nợ là: 18.301.296.300VNĐ.

+ Tài sản 2: Hợp đồng thế chấp hàng hóa là phương tiện hình thành trong tương lai số: 201700754/HĐTC ngày 28/06/2017. Tài sản thế chấp là 52 xe ô tô nhập khẩu là hàng hóa hình thành từ vốn vay. Giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định cho vay là: 16.614.884.190VNĐ, đảm bảo cho dư nợ 11.630.418.933VNĐ.

+ Tài sản 3: Hợp đồng thế chấp cổ phần số: 012107/LAA/ HĐCTCP ngày 23/07/2015; Tài sản thế chấp là 85.000 cổ phần của Công ty Cổ phần L. Giá trị tài sản đảm bảo theo hợp đồng được thẩm định khi cho vay tương ứng với 85.500.000.000VNĐ, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần L.

Ngày 01/12/2015 bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Xuân T có ký 01 bản cam kết sẽ thế chấp tài sản là quyền sử dụng 02 lô đất ở biệt thự số 02-BT10 và 03-BT-10, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 08, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần L tại Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L.

Trong quá trình sử dụng vốn Công ty Cổ phần L đã sử dụng để kinh doanh ô tô vận tải nhưng khi nhập khẩu 96 xe ô tô vận tải là hàng hóa hình thành từ vốn vay. Công ty bên Trung Quốc bán cho Công ty Cổ phần L loại xe bị đục lại số khung, số máy nên số lượng xe nhập về bị cơ quan chức năng xác định vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu số tài sản là 96 xe ô tô nhập khẩu sung vào ngân sách nhà nước. Do đó, Công ty Cổ phần L đã lâm vào tình trạng khó khăn không có khả năng hoàn trả khoản vốn vay của Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L. Hiện nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài trong 03 năm qua ảnh hưởng đến việc phục hồi hoạt động kinh doanh. Công ty Cổ phần L hoạt động cầm chừng, không có doanh thu, nên khả năng thanh toán nợ tại thời điểm này gặp nhiều khó khăn. Công ty Cổ phần L hoàn toàn nhất trí sẽ hoàn trả số tiền nợ gốc và số tiền lãi suất như nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty Cổ phần L rất mong phía ngân hàng Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần L về mặt thời gian để thu xếp thanh toán khoản nợ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay, ngoài 03 tài sản đã thế chấp có lập thành hợp đồng giữa các bên, Công ty Cổ phần L không còn thế chấp bất kỳ tài sản nào khác với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L, kể cả tài sản của bên thứ ba bất kỳ. Toàn bộ số tiền vay của Công ty Cổ phần L khi được giải ngân đều có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay và giá trị của tài sản thế chấp đảm bảo theo đúng quy định. Do vậy, nếu Công ty Cổ phần L không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả các khoản dư nợ, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp mà các bên đã thống nhất để thu hồi khoản vay của Công ty Cổ phần L.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng N, yêu cầu ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M thực hiện theo đúng cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015, khi tài sản

cam kết thế chấp là quyền sử dụng 02 lô đất ở biệt thự số 02-BT10 và 03-BT-10, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 08, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có đủ điều kiện về mặt pháp lý, thì ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M phải thực hiện các thủ tục thế chấp để bảo đảm thu hồi các khoản nợ của Công ty Cổ phần L theo quy định của pháp luật. Việc có thực hiện yêu cầu này hay không phụ thuộc vào ý chí của cá nhân ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M. Công ty Cổ phần L không có ý kiến gì về việc này.

Trong các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Xuân T là ông Thạch Quang T và ông Lê Văn Q đều trình bày: Ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M thừa nhận có ký vào bản cam kết ngày 01/12/2015, nhưng việc ký bản cam kết này là theo yêu cầu của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L. Đến nay bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Xuân T không đồng ý thực hiện cam kết ngày 01/12/2015. Vì hiện nay 02 lô đất ở biệt thự số 02, 03-BT-10, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 08, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cần phân tách rõ trách nhiệm của cá nhân và trách nhiệm của cổ đông ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M trong Công ty Cổ phần L. Mặc dù, ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M là cổ đông của Công ty Cổ phần L, nhưng căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 111, Luật doanh nghiệp “Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp”. Khi Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L xét duyệt hồ sơ thế chấp toàn bộ số cổ phần của ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M sở hữu tại Công ty Cổ phần L, các tài liệu cung cấp đầy đủ đã chứng minh, ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M đã hoàn thành việc góp vốn bằng các khoản tiền chuyển vào Công ty Cổ phần L theo cam kết sở hữu cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần L. Do vậy, cá nhân ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M không chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của Công ty Cổ phần L.

Bản cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015 được ký trước khi Công ty Cổ phần L ký các hợp đồng thế chấp đảm bảo cho khoản vay tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L, theo yêu cầu của phía ngân hàng Ngân hàng N Chi nhánh Lào Cai. Thời điểm lập cam kết đề ngày 01/12/2015 là cam kết phát sinh trước khi phía Công ty Cổ phần L có tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần L tại Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L. Trong từng lần giải ngân theo các giấy nhận nợ đều có các hợp đồng thế chấp hàng hoá là phương tiện hình thành trong tương lai đảm bảo cho các khoản vay thay thế cho cam kết ngày 01/12/2015. Tổng giá trị tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay của Công ty Cổ phần L được phía ngân hàng tại Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L định giá chấp thuận là: 161.244.302.190VNĐ. Như vậy, các khoản vay của Công ty Cổ phần L có 100% giá trị tài sản bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản theo đúng quy định của pháp luật đối với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L.

Hình thức của bản cam kết ngày 01/12/2015 được các bên xác lập không tuân thủ theo quy định về giao dịch dân sự nói chung. Tài sản cam kết thế chấp là quyền sử dụng 02 lô đất theo hợp đồng chuyển nhượng đất biệt thự số 02072008/BT ngày 06/10/2008 giữa ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Nam Tiến. Đối với loại tài sản là quyền sử dụng đất, việc thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bắt buộc phải tuân thủ theo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 500 và Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015 và phải đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, bản cam kết ngày 01/12/2015 của ông Vũ Xuân T, bà Nguyễn Thị M không có giá trị pháp lý, ông Vũ Xuân T, bà Nguyễn Thị M không phải dùng tài sản riêng của mình để thực hiện thay nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần L. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn Ngân hàng N.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N, bà Nguyễn Thị Vân T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng N, đã xác định cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015 của ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M, đến thời điểm hiện nay tài sản chưa đủ điều kiện thế chấp, nhưng khi tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải thực hiện đúng nội dung cam kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên toà là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1, Điều 147; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463; 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc Công ty Cổ phần L phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền dư nợ tính đến ngày xét xử 23/11/2022, khoản tiền nợ gốc là: 64,850,716,980VNĐ; khoản tiền lãi suất trong hạn là: 34.486.843.701VNĐ; khoản tiền lãi suất quá hạn là: 3.539.280.548VNĐ. Tổng cộng là: 102.876.841.229VNĐ.

Buộc Công ty Cổ phần L phải tiếp tục trả khoản tiền lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015, kể từ ngày 24/11/2022 cho đến ngày Công ty Cổ phần L hoàn trả hết khoản tiền nợ gốc cho Ngân hàng N.

Khi bên vay là Công ty Cổ phần L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 012107/LAA/HĐCTCP ngày 23/07/2015 theo biên bản định giá tài sản thế chấp

số 012107/LAA/BBĐG của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L ngày 23/07/2015, để thu hồi khoản vay của Công ty Cổ phần L.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M thực hiện cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần L trả nợ khoản tiền vay gốc và khoản tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng các bên đã giao kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 1, Điều 30 và điểm b, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2]. *Về áp dụng pháp luật*: Hợp đồng tín dụng được giao kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L với Công ty Cổ phần L được xác lập vào ngày 18/8/2015, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực thi hành. Đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Bộ luật dân sự 2005 đã hết hiệu lực. Xét thấy, khi giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp, hợp đồng tín dụng đang thực hiện có nội dung, hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. *Về nội dung tranh chấp*: Hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 được xác lập ngày 18 tháng 8 năm 2015, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L và Công ty Cổ phần L được lập thành văn bản có chữ ký của các bên xác lập. Trong đó, bên cho vay tài sản là Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L và bên vay tài sản là Công ty Cổ phần L. Nội dung của hợp đồng có thỏa thuận về hạn mức tín dụng, phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng; mục đích sử dụng tiền vay; mức lãi suất; thời hạn hạn mức; phương thức trả nợ gốc theo hạn trả của từng giấy nhận nợ, trả lãi suất vào ngày 28 hàng tháng. Ngoài ra trong hợp đồng tín dụng còn thỏa thuận việc cho vay có tài sản bảo đảm 100% hạn mức cấp và chuyển dư nợ của hợp đồng hạn mức số 8800-LAV-201500375 ngày 20/7/2015 được tiếp tục chuyển sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015. Đây là hợp đồng tín dụng vay có kỳ hạn, có nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 được xác lập ngày 18 tháng 8 năm 2018 có giá trị pháp lý bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận giao kết trong hợp đồng.

Số tiền Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L giải ngân cho Công ty Cổ phần L cho vay theo hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015 và số tiền Công ty Cổ phần L đã trả nợ. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 28/12/2020. Dư nợ của Công ty Cổ phần L đối với Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L, tính đến ngày xét xử 23/11/2022, khoản tiền dư nợ gốc là: 64,850,716,980VNĐ, khoản

tiền lãi suất trong hạn là: 34.486.8423.701VNĐ và khoản tiền lãi suất quá hạn là: 3.539.280.548VNĐ.

Công ty Cổ phần L đã thế chấp các tài sản cho Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L gồm:

+ Tài sản 1: Hợp đồng thế chấp tài sản hàng hóa là phương tiện hình thành trong tương lai số: 03LAA/HĐTCTL ngày 01/12/2015; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03LAA.1/PLHĐTC ngày 23/06/2016; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03LAA.2/PLHĐTC ngày 10/01/2017. Tài sản thế chấp là 44 xe ô tô nhập khẩu. Giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định cho vay là: 26.144.709.000VNĐ, đảm bảo cho dư nợ là: 18.301.296.300VNĐ.

+ Tài sản 2: Hợp đồng thế chấp hàng hóa là phương tiện hình thành trong tương lai số: 201700754/HĐTC ngày 28/06/2017. Tài sản thế chấp là 52 xe ô tô nhập khẩu là hàng hóa hình thành từ vốn vay. Giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định cho vay là: 16.614.884.190VNĐ, đảm bảo cho dư nợ 11.630.418.933VNĐ.

+ Tài sản 3: Hợp đồng thế chấp cổ phần số: 012107/LAA/ HĐCTCP ngày 23/07/2015. Tài sản thế chấp là 85.000 cổ phần của Công ty Cổ phần L. Giá trị tài sản đảm bảo theo hợp đồng được thẩm định khi cho vay, tương ứng với 85.500.000.000VNĐ.

Ngoài ra ngày 01/12/2015 bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Xuân T có ký 01 bản cam kết sẽ thế chấp tài sản của bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Xuân T đối với tài sản là quyền sử dụng 02 lô đất ở biệt thự số 02, 03-BT-10, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 08, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần L tại Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L.

Công ty Cổ phần L không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L, vi phạm Điều 7, Điều 14 hợp đồng tín dụng số: 8800-LAV-201500573 ngày 18/8/2015. Nguyên đơn, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tính đến hết ngày xét xử 23/11/2022 và yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của ông Vũ Xuân T, bà Nguyễn Thị M theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 012107/LAA/ HĐCTCP ngày 23/07/2015 và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty Cổ phần L để thu hồi các khoản tiền phải hoàn trả theo quy định của pháp luật. Bị đơn, Cổ phần Linh Anh Anh thừa nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 3, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng N, khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền dư nợ tính đến ngày xét xử 23/11/2022 tổng cộng là: 102.876.841.229VNĐ là có căn cứ pháp lý cần được chấp nhận.

Về tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản các nợ của của Công ty Cổ phần L, theo hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 ngày 18 tháng 8 năm 2015, đến nay còn lại là 85.000 cổ phần của Công ty Cổ phần L theo hợp đồng thế chấp cổ phần số: 012107/LAA/HĐCTCP ngày 23/07/2015. Giá trị tài sản đảm bảo được thẩm định khi cho vay, tương ứng với 85.500.000.000VNĐ (Theo biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp là cổ phần vốn góp số

012107/LAA/BBĐG ngày 23/7/2015 của Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh L). Ông Vũ Xuân T, bà Nguyễn Thị M đã thế chấp phần vốn góp tài sản là 85.000 cổ phần của Công ty Cổ phần L với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L. Giá trị tài sản được thẩm định tương ứng với 85.500.000.000VNĐ, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần L. Hợp đồng thế chấp cổ phần được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nội dung của hợp đồng thế chấp cổ phần vốn góp số 012107/LAA/BBĐG ngày 23/7/2015 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L và ông Vũ Xuân T, bà Nguyễn Thị M đã giao kết, sẽ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi Công ty Cổ phần L vi phạm nghĩa vụ hoàn trả các khoản dư nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 ngày 18 tháng 8 năm 2015. Tại công văn số 55/CV-ĐKKD ngày 11/11/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư, xác định tình trạng pháp lý doanh nghiệp quốc gia, Công ty Cổ phần L đang hoạt động. Do đó, khi Công ty Cổ phần L không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền gốc đã vay còn lại và khoản tiền lãi suất cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản đã thế chấp và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty Cổ phần L để thu hồi các khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng N yêu cầu ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M thực hiện cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015. Trong nội dung cam kết là dùng tài sản là quyền sử dụng 02 lô đất ở số 02, 03-BT10, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 08, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần L. Tại thời điểm ký bản cam kết ngày 01/12/2015, 02 lô đất ở số 02, 03-BT10, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 08, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Chỉ có bản hợp đồng chuyển nhượng đất biệt thự số 02072008/BT ngày 06/10/2008 giữa ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Nam Tiến*). Tại công văn phúc đáp số 156/CV-NT ngày 19/10/2022 của Công ty Cổ phần tập đoàn N xác định: Lô đất số 02, 03-BT-10, đường Trần Hưng Đạo – Dự án tiểu khu đô thị số 1, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường, thành phố Lào Cai, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ngày 14/6/2022 mang tên Công ty Cổ phần tập đoàn N, khách hàng hiện nay chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, bắt buộc phải tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự và Luật đất đai và phải đăng ký giao dịch bảo đảm. Bản cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015 của ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M cam kết với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh L là để thực hiện thế chấp tài sản trong tương lai, khi tài sản là quyền sử dụng đất có đủ điều kiện về mặt pháp lý (*Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) mang tên người sử dụng đất là ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M. Hiện nay, ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa được nhà nước thừa nhận quyền sử dụng. Việc có thực hiện thế chấp tài sản hay không phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí của ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Xuân T

không đồng ý thực hiện cam kết ngày 01/12/2015. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng N.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về án phí*: Theo quy định của pháp luật bị đơn Công ty Cổ phần L phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 147; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463; 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền dư nợ là: 102.876.841.229VNĐ (*Một trăm linh hai tỷ, tám trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng*). Trong đó khoản tiền dư nợ gốc là: 64,850,716,980VNĐ (*Sáu mươi bốn tỷ, tám trăm năm mươi triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, chín trăm tám mươi đồng*); khoản tiền lãi suất trong hạn là: 34.486.843.701VNĐ (*Ba mươi bốn tỷ, bốn trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm linh một đồng*); khoản tiền lãi suất quá hạn là: 3.539.280.548VNĐ (*Ba tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng*).

Trường hợp Công ty Cổ phần L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp cổ phần số: 012107/LAA/HĐCTCP ngày 23/07/2015 và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty Cổ phần L để thu hồi các khoản nợ theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M thực hiện cam kết thế chấp tài sản ngày 01/12/2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Cổ phần L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, phát sinh sau ngày 23/11/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 ngày 18 tháng 8 năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500573 ngày 18 tháng 8 năm 2015, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất mà Công ty Cổ phần L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo mức điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. *Về án phí*: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần L phải chịu 210.876.841VNĐ (Hai trăm mười triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi một đồng) khoản tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 103.773.440VNĐ (Một trăm linh ba triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001650 ngày 01/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng N, bị đơn Công ty Cổ phần L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thành phố Lào Cai (02);
- Chi cục THADS thành phố Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Thanh